TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2022/HNGĐ - ST.
Ngày: 05 - 9 - 2022.
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Ánh Sáng.

2. Ông Lưu Đức Chung.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thùy Linh– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 567/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Số 4, ấp B , xã P , huyện N , tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Phạm Minh TR, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Số 11, tổ 4, khu V , thị trấn L , huyện L , tỉnh Đồng Nai.
(Chị L, anh TR đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh TR tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã P , huyện N , tỉnh Đồng Nai. Sau khi kết hôn, anh chị sống

tại huyện Long Thành, sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do quan điểm sống không phù hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đã nhiều lần ngồi lại với nhau để hàn gắn nhưng không thành. Anh chị đã sống ly thân được 01 năm, chị về huyện Nhơn Trạch sống. Nhận thấy cuộc hôn nhân không hạnh phúc, không còn yêu thương nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm TR, không thể hàn gắn đoàn tụ được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh TR.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Chí C, sinh ngày 19/8/2011 và Phạm Tuấn A, sinh ngày 17/3/2017. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu giao 02 con chung cho anh TR trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị không cấp dưỡng cho 02 con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Bị đơn trình bày:* Anh và chị L tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2010 tại UBND xã Phước An, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Anh chị phát sinh mâu thuẫn từ tháng 6 năm 2021, nguyên nhân là do anh thất nghiệp, chị L làm thêm việc khác nên phát sinh nợ, đòi hỏi anh phải chu cấp từ hai đến ba mươi triệu đồng mỗi tháng cho chị L nhưng anh không đáp ứng được nên chị L đòi ly hôn và bỏ đi từ tháng 6 năm 2021, sống ly thân cho đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Như chị L trình bày, anh tự nuôi 2 con, không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành*:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, thời hạn giải quyết, thu thập chứng cứ, việc xét xử của Hội đồng xét xử, việc tuân theo pháp luật của Thư ký đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh TR là hợp pháp. Anh chị có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ tháng 6/2021 đến nay, không thể đoàn tụ. Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu về con chung của chị L, giao 02 con chung cho anh TR trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị L, anh TR có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị L, anh TR.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh TR đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P , huyện N , tỉnh Đồng Nai vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau, thương yêu nhau, tôn TR, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tuy nhiên, chị L và anh TR đều xác định trong quá trình chung sống thì anh chị có mâu thuẫn, đã sống ly thân trong thời gian dài, không thể hàn gắn, nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh TR đồng ý. Như vậy, giữa anh chị không còn tình nghĩa vợ chồng, không thể hàn gắn, đoàn tụ được, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm TR, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu ly hôn của chị L là có căn cứ chấp nhận, cho ly hôn giữa chị L và anh TR.

[3] Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên là Phạm Chí C, sinh ngày 19/8/2011 và Phạm Tuấn A, sinh ngày 17/3/2017 đang sống với anh TR. Sau khi ly hôn, chị L yêu cầu giao 02 con chung cho anh TR trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời chị L không cấp dưỡng nuôi con, anh TR đồng ý yêu cầu của chị L. Cháu C cũng có nguyện vọng được ở với anh TR. Do đó, yêu cầu về con chung của chị L là có căn cứ chấp nhận, giao 02 con chung cho anh TR trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị khai không có nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị L phải chịu

300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Đối với ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng các Điều 9, 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với anh Phạm Minh TR, cho ly hôn giữa chị L và anh TR.

Về con chung: Giao 02 con tên là Phạm Chí C, sinh ngày 19/8/2011 và Phạm Tuấn A, sinh ngày 17/3/2017 cho anh TR trực tiếp nuôi dưỡng, chị L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị L được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005953 ngày 01/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Chị L đã nộp xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND H. Long Thành;
- Chi cục THADS H. Long Thành;
- UBND xã P.
- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Lưu.

Trần Thị Thanh Hoa

Chị Diễm, anh Ân được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.